

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 114 /STP-VP
V/v triển khai
Quyết định số 25/QĐ-UBND
và Quyết định số 29/QĐ-UBND
của Chủ tịch UBND tỉnh

Đồng Nai, ngày 11 tháng 01 năm 2018

Kính gửi:

- Phòng Hành chính tư pháp;
- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Sở Tư pháp nhận được Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ngành tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Về việc này, Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu:

1. Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; Trưởng Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa: Căn cứ Danh mục thủ tục hành chính ngành tư pháp thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, phối hợp đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích tổ chức triển khai thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích bằng các hình thức: 1. Gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; 2. Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; 3. Gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Trưởng phòng Hành chính tư pháp; Trưởng Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa: tổ chức niêm yết, công khai thực hiện 31 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung về mức thu lệ phí trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 và Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh được đăng tải trên mạng thông tin điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn>, mục văn bản điều hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP. UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- GD, các PGĐ Sở;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thị Xuân Đào

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 25 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 01 năm 2018

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI
Số: 40
Ngày: 05/01/2018
VĂN ĐẾN CHUYỂN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 03../TTr-VP ngày 02 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã được chọn thực hiện việc tiếp nhận, giao trả kết quả thông qua hệ thống dịch vụ bưu chính công ích (*phụ lục đính kèm*), theo các hình thức:

1. Gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.
2. Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
3. Gửi hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích, tổ chức triển khai thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích phù hợp với một trong những hình thức quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4 Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Giám đốc Bưu điện tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Công báo tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HCC, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN
TIẾP NHẬN & TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /QĐ-UBND ngày 04/01/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

NGÀNH CÔNG THƯƠNG	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước
4	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
5	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
7	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu
9	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai
12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai
13	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai
III	Lĩnh vực Điện
14	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình điện trung thế
IV	Lĩnh vực An toàn thực phẩm
15	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ
17	Kiểm tra và cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ
V	Lĩnh vực công nghiệp địa phương
18	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực Điện
1	Thủ tục Thỏa thuận địa điểm trạm điện, vị trí cột điện và hành lang lưới điện
NGÀNH Y TẾ	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014
2	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014
3	Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức
4	Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân
II	Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình
5	Thủ tục cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh
6	Thủ tục cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình
1	Thủ tục cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
2	Thủ tục Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số
NGÀNH TÀI CHÍNH	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Đầu tư
1	Thủ tục Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện
NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Xuất bản
1	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy
2	Thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy
II	Lĩnh vực Viễn thông
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

2	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
3	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo
1	Thủ tục thành lập nhà trường, nhà trẻ
2	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ
3	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ
4	Thủ tục giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ
5	Thủ tục cho phép thành lập trường tiểu học
6	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học
7	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường tiểu học
8	Thủ tục giải thể trường tiểu học
9	Thành lập Trung tâm Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn
10	Giải thể Trung tâm Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn
11	Thủ tục thành lập cho phép thành lập trường trung học cơ sở
12	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục của trường Trung học cơ sở
13	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường Trung học cơ sở
14	Thủ tục giải thể trường Trung học cơ sở
15	Thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập
16	Thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập.
17	Thủ tục thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục
18	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục
19	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thục
20	Thủ tục giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thục
21	Thủ tục cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập
22	Thủ tục cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục
23	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ dân lập
24	Thủ tục Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập

25	Thủ tục Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
26	Thủ tục Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu
27	Thủ tục Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở
28	Thủ tục Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở
29	Thủ tục Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi
30	Thủ tục Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã
31	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn
II	Lĩnh vực: Qui chế tuyển sinh
32	Thủ tục tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS
33	Thủ tục chuyển đổi đối tượng học bổ túc THCS
34	Thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo
1	Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục
2	Thủ tục sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục
3	Thủ tục giải thể hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục
4	Thủ tục Đăng ký hoạt động nhóm trẻ đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ tới trường, lớp
5	Thủ tục Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học
NGÀNH LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội
1	Thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân
II	Lĩnh vực Lao động-Tiền lương Bảo hiểm xã hội
2	Thủ tục gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp.
III	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội
3	Thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà ở xã hội
4	Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà ở xã hội
5	Thủ tục tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà ở xã hội
6	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo

	trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)
7	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
8	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
9	Thủ tục hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.
10	Thủ tục hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng).
11	Thủ tục hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.
12	Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc.
13	Thủ tục thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng.
14	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện.
15	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện.
IV	Lĩnh vực Người có công
16	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ
17	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng
V	Lĩnh vực Dạy nghề
18	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội
1	Thủ tục quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình
2	Thủ tục quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng
3	Thủ tục hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng
4	Thủ tục miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng
II	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội
5	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật.
6	Thủ tục đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.
7	Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở.

8	Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng phí.
9	Thủ tục xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.
III	Lĩnh vực Người có công
10	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ
11	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi
NGÀNH NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực kiểm lâm
1	Thủ tục trồng cao su trên đất rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn
2	Thủ tục phê duyệt phương án khai thác của chủ rừng là hộ gia đình
3	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của chủ rừng là hộ gia đình
4	Thủ tục khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của chủ rừng là hộ gia đình
5	Thủ tục khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)
6	Thủ tục đăng ký khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ cành nhánh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)
7	Thủ tục thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện (chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)
8	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là hộ gia đình (đối với các loại lâm sản danh mục quản lý Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách)
9	Thẩm định và phê duyệt dự án lâm sinh (đối với cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn)
10	Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho hộ gia đình do tổ chức quốc doanh lập
11	Hỗ trợ trồng rừng sau đầu tư đối với hộ gia đình

12	Thủ tục hỗ trợ đầu tư trồng rừng đối với hộ gia đình (hỗ trợ trước)
13	Trình tự, thủ tục hỗ trợ trồng cây phân tán
14	Hỗ trợ đầu tư vườn ươm giống lâm nghiệp
15	Thủ tục đóng dấu búa kiểm lâm
16	Thủ tục xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau xử lý tịch thu, lâm sản sau chế biến, lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước; bộ phận, dẫn xuất của chúng.
17	Thủ tục xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu.
18	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại
19	Thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại
20	Thủ tục đăng ký nuôi bổ sung loài động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại
II	Lĩnh vực Phát triển nông thôn
21	Xác nhận, Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới
22	Bố trí ổn định dân cư trong huyện
23	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh
24	Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 3
25	Thẩm định, phê duyệt dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi có giá trị theo quy hoạch thuộc Chương trình 30a.
III	Lĩnh vực Quản lý chất lượng
26	Thủ tục cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản
IV	Lĩnh vực Thú y
27	Kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh
28	Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực lâm nghiệp
01	Thủ tục khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là tổ chức
02	Thủ tục khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là hộ gia đình

03	Thủ tục khai thác cây trồng trong vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán của chủ rừng là hộ gia đình
04	Thủ tục khai thác tận dụng các cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh của chủ rừng là tổ chức, chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ)
05	Thủ tục khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)
06	Khai thác các loài lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức, chủ rừng là hộ gia đình (trừ các loài trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại).
07	Khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình
08	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là tổ chức
09	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)
10	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán.
11	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.
12	Thủ tục giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân
13	Thủ tục giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn
14	Thủ tục cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân
II	Lĩnh vực chăn nuôi
15	Cấp sổ đăng ký nuôi vịt chạy đồng.
III	Lĩnh vực trồng trọt
16	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa.
IV	Lĩnh vực thủy sản
17	Thủ tục kiểm tra, chứng nhận cơ sở kinh doanh thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã)
18	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận ATTP trong kinh doanh thủy sản (thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã)
V	Lĩnh vực phát triển nông thôn
19	Thủ tục xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản

20	Thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại
VI	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật
21	Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật
NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động hộ kinh doanh
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
II	Lĩnh vực thành lập và hoạt động hợp tác xã
6	Đăng ký hợp tác xã
7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
8	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã
9	Đăng ký khi hợp tác xã chia
10	Đăng ký khi hợp tác xã tách
11	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
12	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
13	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)
14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)
15	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
16	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hỏng)
17	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
19	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
20	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
21	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
22	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp

	tác xã
23	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)
24	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã
III	Lĩnh vực xây dựng cơ bản
24	Thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư
25	Thủ tục thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
III	Lĩnh vực xây dựng cơ bản
1	Thủ tục thẩm định chủ trương đầu tư
2	Thủ tục thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư
NGÀNH GIAO THÔNG VÀ VẬN TẢI	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
1	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường huyện, thị, thành phố (gọi chung là cấp huyện).
2	Cấp phép thi công, xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường cấp huyện quản lý.
3	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường cấp huyện quản lý.
4	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuyến đường cấp huyện quản lý.
5	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuyến đường cấp huyện quản lý.
6	Gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường cấp huyện quản lý.
NGÀNH XÂY DỰNG	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực hoạt động xây dựng
1	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)- Đối với công trình cấp III trở xuống, do chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) (theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh tại Quyết định 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016)
2	Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh
3	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô

	thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung
II	Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc
4	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
5	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
6	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý
III	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật
7	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh
NGÀNH TƯ PHÁP	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Chứng thực
1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc
2	Thủ tục chứng thực chữ ký của người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
3	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật
4	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
5	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
6	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
7	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
8	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản
9	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
10	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản
11	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
12	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
II	Lĩnh vực Hộ tịch
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
14	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
15	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài

16	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
17	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
18	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
19	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
20	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
21	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
22	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
23	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)
24	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
25	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
26	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
27	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
III	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý
28	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý
29	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý
30	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực Chứng thực
1	Cấp bản sao từ sổ gốc
2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản trừ việc chứng thực chữ ký người dịch (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
4	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở
5	Thủ tục chứng thực di chúc
6	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
7	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
8	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

9	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
10	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
11	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
II	Lĩnh vực Hộ tịch
12	Thủ tục đăng ký khai sinh
13	Thủ tục đăng ký kết hôn
14	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con
15	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con
16	Thủ tục đăng ký khai tử
17	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động
18	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động
19	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động
20	Thủ tục đăng ký giám hộ
21	Đăng ký chấm dứt giám hộ
22	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
23	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
24	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
25	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
26	Thủ tục đăng ký lại kết hôn
27	Thủ tục đăng ký lại khai tử
III	Lĩnh vực con nuôi
28	Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
29	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
IV	Thủ tục liên thông
30	Thủ tục liên thông: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
31	Thủ tục liên thông: Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
NGÀNH NỘI VỤ	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Thi đua, Khen thưởng
1	Khen thưởng (Chiến sĩ thi đua Cơ sở, LĐTT, Giấy khen UBND huyện)
II	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo
2	Thủ tục đăng ký cho hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

3	Thủ tục đăng ký cho dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
4	Thủ tục thông báo chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành
5	Thủ tục đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành
6	Thủ tục chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm có sự tham gia của tín đồ trong huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
7	Thủ tục chấp thuận tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở
8	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
9	Thủ tục chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo
10	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo
1	Thủ tục thông báo người đại diện hoặc Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng
2	Thủ tục thông báo dự kiến hoạt động tín ngưỡng diễn ra vào năm sau tại cơ sở tín ngưỡng
3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo
4	Thủ tục đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở
5	Thủ tục đăng ký người vào tu
6	Thủ tục thông báo về việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải xin cấp giấy phép xây dựng
7	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo trong phạm vi một xã
NGÀNH VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực văn hóa
1	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke
2	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản
II	Lĩnh vực xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình
3	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”
4	Công nhận “Áp văn hóa” và tương đương
5	Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương

6	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
7	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
8	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
9	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
12	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của UBND cấp huyện)
13	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
15	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực văn hóa
1	Công nhận gia đình văn hóa
2	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản
II	Lĩnh vực thể thao
3	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
1	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
3	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
4	Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
5	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
6	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở

7	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.
8	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
9	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân
10	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
11	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
12	Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
13	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện
14	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
15	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
16	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân
17	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
18	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
19	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
20	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định

21	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
22	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
23	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
24	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
25	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
26	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất
27	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
28	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
29	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.
30	Thủ tục đăng ký, xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất
II	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
31	Thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản
32	Thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
III	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
33	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất
34	Thủ tục lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
1	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai
II	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
2	Thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản
3	Thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
4	Thủ tục tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường
5	Thủ tục tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết
NGÀNH DÂN TỘC	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	

I	Lĩnh vực công tác dân tộc
1	Thủ tục xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.
2	Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực công tác dân tộc
1	Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS
2	Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020
NGÀNH THANH TRA	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
1	Thủ tục hành chính tiếp công dân
2	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện
3	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện
4	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp huyện
5	Thủ tục hành chính xử lý đơn
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
1	Thủ tục hành chính tiếp công dân
2	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã
3	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã
4	Thủ tục hành chính xử lý đơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 29 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 04 tháng 01 năm 2018

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG SỐ:	37
VĂN NGÀY:	05/01/2018
ĐẾN KHI CHUYỂN:	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ngành tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, **UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 29/02/2016; Quyết định số 1088/QĐ-BTP ngày 18/5/2016; Quyết định số 2007/QĐ-BTP ngày 26/9/2016; Quyết định số 643/QĐ-BTP ngày 05/5/2017; Quyết định số 654/QĐ-BTP ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính.

Căn cứ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 191/STP-TTr ngày 21 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 31 thủ tục hành chính sửa đổi về mức thu lệ phí trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đính kèm danh mục, nội dung các thủ tục hành chính sửa đổi).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác tại Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 3. Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung này tại trụ sở làm việc và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh cập nhập nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tư pháp cập nhật mức thu lệ phí của 31 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HCC, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGÀNH TƯ PHÁP
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN,
UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 04/01/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Số TT	Tên thủ tục hành chính (Lĩnh vực Hộ tịch)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	

abc
nhân

Quang
1

14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Số TT	Tên thủ tục hành chính (Lĩnh vực Hộ tịch)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Thủ tục đăng ký khai sinh	Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
2	Thủ tục đăng ký kết hôn	
3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	
5	Thủ tục đăng ký khai tử	
6	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
7	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
8	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	
9	Thủ tục đăng ký giám hộ	
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	
11	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	
12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
13	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	
14	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
15	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
16	Thủ tục đăng ký lại khai tử	

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ
CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp huyện

I. Lĩnh vực hộ tịch

1. Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài

h) Lệ phí: 50.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

h) Lệ phí: 1.200.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài

h) Lệ phí: 50.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

h) Lệ phí: 1.200.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

h) Lệ phí:

- Đăng ký khai sinh: 50.000 đồng.

- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.200.000 đồng.

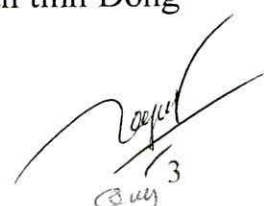
k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài

h) Lệ phí: 50.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

7. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài



h) Lệ phí: 50.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

8. Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc

h) Lệ phí:

- Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc: **25.000 đồng.**

- Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài: **50.000 đồng.**

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

9. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

h) Lệ phí: 70.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

10. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

h) Lệ phí: 70.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

11. Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)

h) Lệ phí: 70.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

12. Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài

h) Lệ phí: 50.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

13. Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

h) Lệ phí: 50.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

14. Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài

h) Lệ phí: 1.200.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

15. Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài

h) Lệ phí: 50.000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

B. Thủ tục hành chính cấp xã

I. Lĩnh vực Hộ tịch

1. Thủ tục đăng ký khai sinh

i) Lệ phí: 5.000 đồng.

Đối tượng miễn nộp lệ phí:

- Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đăng ký khai sinh đúng hạn.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Thủ tục đăng ký kết hôn

h) Lệ phí: Không

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con

h) Lệ phí: 15.000 đồng.

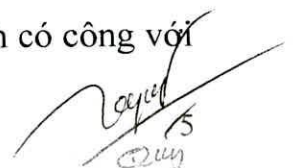
k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con

h) Lệ phí: Đăng ký khai sinh: 5.000 đồng. Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 10.000 đồng.

Miễn nộp lệ phí đối với các trường hợp:

- Đăng ký khai sinh; nhận cha, mẹ, con cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.



- Đăng ký khai sinh đúng hạn.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Thủ tục đăng ký khai tử

h) Lệ phí: 5.000 đồng.

Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp:

- Đăng ký khai tử cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đăng ký khai tử đúng hạn.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động

h) Lệ phí: 5.000 đồng.

Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp:

- Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đăng ký khai sinh đúng hạn.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

7. Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động

h) Lệ phí: 30.000 đồng (áp dụng trong trường hợp đăng ký lại việc kết hôn).

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

8. Thủ tục đăng ký khai tử lưu động

h) Lệ phí: 5.000 đồng.

Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp:

- Đăng ký khai tử cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đăng ký khai tử đúng hạn.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

9. Thủ tục đăng ký giám hộ

i) Lệ phí: Miễn lệ phí.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

10. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ

i) Lệ phí: Miễn lệ phí.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

11. Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch

h) Lệ phí: 10.000 đồng.

j) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

12. Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

h) Lệ phí: 10.000 đồng

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

13. Thủ tục đăng ký lại khai sinh

h) Lệ phí: 5000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

14. Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

h) Lệ phí: 5000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

15. Thủ tục đăng ký lại kết hôn

h) Lệ phí: 30.000 đồng

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

16. Thủ tục đăng ký lại khai tử

h) Lệ phí: 5000 đồng.

k) Căn cứ pháp lý: Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



